

Bản án số: 113/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/3/2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Bình Minh.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Loan.

2. Ông Đặng Bích Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 141/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2021, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐSTXX-HNGĐ ngày 16/02/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Vương Thiên B, sinh năm 1992,

Địa chỉ: 97 Ấp B, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐCLL: B1/6D T, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Hồ Hoài N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 85/28 đường B, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Vương Thiên B trình bày:

Ông B và bà Hồ Hoài N tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND Phường M, Quận S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 10/12/2015. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nay ông B xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà Hồ Hoài N, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Hồ Hoài N.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Trần Thiên P, sinh ngày 17/8/2017. Ông B tự nguyện giao con chung là trẻ Trần Thiên P, sinh ngày 17/8/2017 cho bà Hồ Hoài N trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận..

Về tài sản chung: Ông B tự khai không có.

Về nợ chung: Ông B tự khai không có.

Bị đơn bà Hồ Hoài N trình bày: Sau khi ông B và bà N kết hôn thì hai bên chung sống tại 85/28 đường B, Phường M1, Quận S. Mâu thuẫn xảy ra từ năm 2018 do cả hai bên không hợp nhau về cách sống, hai bên đã nói chuyện để hàn gắn nhưng không được. Bà N và ông B đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Nay bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông B.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Trần Thiên P, sinh ngày 17/8/2017. Bà N đồng ý trực tiếp nuôi con chung là trẻ Trần Thiên P, sinh ngày 17/8/2017. Cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N tự khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn ông Trần Vương Thiên B, bị đơn bà Hồ Hoài N có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, xét thấy các bên đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc sống ly thân, các bên không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục chung sống nên căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung là Trần Thiên P, sinh ngày 17/8/2017 cho bà Hồ Hoài N trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận. Về tài sản chung và nợ chung ông B, bà N đều tự khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Ông Trần Vương Thiên B, bị đơn bà Hồ Hoài N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo quy định tại các điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

- Ông B và bà Hồ Hoài N có sống chung và đăng ký kết hôn tại UBND Phường M, Quận S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 10/12/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp

Vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2018 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, nguyên nhân do không cùng chung quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, luôn bất đồng ý kiến, không còn tin tưởng lẫn nhau. Ông B và bà N không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, hai bên cũng đã tự hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Sau thời gian dài ly thân, nay ông B xác định không còn

tình cảm vợ chồng với bà Hồ Hoài N, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Hồ Hoài N.

Xét thấy: Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Tại Bản tự khai ngày 30/11/2021, bà N thừa nhận bà N và ông B đã sống ly thân từ năm 2018, cả hai đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được và bà đồng ý theo yêu cầu ly hôn của ông B. Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa ông B và bà N đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, yêu cầu của ông B xin ly hôn với bà N là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông Trần Vương Thiên B và bà Hồ Hoài N có 01 con chung là trẻ Trần Thiên P, sinh ngày 17/8/2017. Ông B tự nguyện giao con cho bà N trực tiếp nuôi, bà N đồng ý nhận nuôi. Yêu cầu về việc giao con cho bà N nuôi của ông B là có cơ sở và phù hợp với lời trình bày của bà N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B giao con chung Trần Thiên P, sinh ngày 17/8/2017 cho bà N trực tiếp nuôi. Về việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B, bà N tự khai không có, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Ông B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Vương Thiên B.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Vương Thiên B được ly hôn với bà Hồ Hoài N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận S cấp ngày 10/12/2015 không còn hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Trần Vương Thiên B và bà Hồ Hoài N có 01 con chung là trẻ Trần Thiên P, sinh ngày 17/8/2017. Bà Hồ Hoài N được trực tiếp nuôi con chung là trẻ Trần Thiên P, sinh ngày 17/8/2017. Cấp dưỡng nuôi con Ông B và bà N tự thỏa thuận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Ông Trần Vương Thiên B, bà Hồ Hoài N tự khai không có.
- Về nợ chung: Ông Trần Vương Thiên B, bà Hồ Hoài N tự khai không có.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Vương Thiên B phải chịu là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 038591 ngày 01/4/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6. Ông B đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Ông B và bà N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- UBND Phường M, Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Bình Minh